



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 11

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

- 15-01-2016- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 12-01-2016- Chỉ thị số 01/CT-UBND về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2016. 34
- 13-01-2016- Quyết định số 134/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 38

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 19-01-2016- Quyết định số 60/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực năm 2015. 48

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 19-01-2016- Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 54

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 18-01-2016- Quyết định số 359/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành năm 2015. 56

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2016/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 15 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận Gò Vấp tại Tờ trình số 868/TTr-PNV ngày 22 tháng 12 năm 2015 và kết quả họp thành viên Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ngày 14 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011, Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2012, Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận và những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân: các cơ quan Đảng, cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp; công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam lập được công trạng và thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Quận, Thành phố và đất nước, trong hợp tác phát triển, hữu nghị đều được Ủy ban nhân dân Quận xét khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp, có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các cụm thi đua, khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua ở cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, gắn với nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, Thủ trưởng các ngành, các cấp phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Hoạt động thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều

phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

3. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, dân chủ, kịp thời và có tác dụng động viên, nêu gương. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân lập được công trạng, thành tích trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, bảo vệ Quận, Thành phố và đất nước đều được xét đề nghị khen thưởng. Các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Quận phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích để kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; không khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

5. Việc xét các tiêu chuẩn khen thưởng phải đảm bảo phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của Quận, của Thành phố và của đất nước; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau. Một hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

6. Khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là chính. Quan tâm, chú trọng khen thưởng cá nhân là người lao động trực tiếp, hộ gia đình, đơn vị cơ sở; khen thưởng các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước; khen thưởng kịp thời gương người tốt việc tốt, hành động dũng cảm cứu người cứu tài sản; cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức công tác địa phương, đơn vị còn nhiều khó khăn; các lĩnh vực trọng tâm, trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên.

7. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, trong một số trường hợp không nhất thiết phải chờ cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

8. Khi xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

Điều 3. Nhiệm vụ của công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua, khen thưởng phải nhằm đáp ứng yêu cầu khẳng định, ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và Thành phố.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua, khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan mất cân đối giữa các lĩnh vực và các đơn vị. Khen thưởng phải đúng đối tượng, đúng thành tích, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương. Để khắc phục tình trạng xin, cho trong khen thưởng, cần chú trọng thực hiện việc chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng của quận.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận về công tác thi đua, khen thưởng. Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của quận, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình, thực tế của địa phương; đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của quận.

3. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị đóng trên địa bàn quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh một cách sâu, rộng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, phường thuộc quận có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi quản lý; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thuộc quận trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức mình phối hợp với các cơ quan của Nhà nước để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin truyền thông

Đề nghị các cơ quan thông tin truyền thông của quận tuyên truyền các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; phổ biến những kinh nghiệm, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong phong trào thi đua; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 6. Hình thức thi đua

Hình thức thi đua gồm có thi đua thường xuyên và thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

1. Thi đua thường xuyên:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

c) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua.

d) Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

c) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, phường, doanh nghiệp thuộc quận khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền (Giấy khen).

d) Trường hợp tổ chức trong phạm vi quận, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, lựa chọn tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận tặng Giấy khen

đ) Trường hợp tổ chức trong phạm vi Thành phố và cả nước thì thực hiện theo quy định của Thành phố và Trung ương.

Điều 7. Phương thức tổ chức phong trào thi đua

1. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, phường, doanh nghiệp thuộc quận và các doanh nghiệp ngoài nhà nước có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của Trung ương, Thành phố, Quận và căn cứ Nghị quyết của cấp ủy, nhiệm vụ công tác được giao, các chương trình công tác do cơ quan, đơn vị xây dựng để đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua và kết quả đạt được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thi đua theo quy định.

b) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

c) Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

2. Đăng ký thi đua:

a) Hàng năm, các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, phường, doanh nghiệp thuộc quận và các doanh nghiệp ngoài nhà nước phải tổ chức đăng ký thi đua; gửi bảng tổng hợp danh sách các cụm, khối thi đua và đăng ký danh hiệu thi đua về Ủy

ban nhân dân quận thông qua phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng).

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) trong phạm vi phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, phường, doanh nghiệp thuộc quận; các cơ quan, đơn vị phải gửi hồ sơ tổ chức phong trào thi đua về Phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận) để tổng hợp và hướng dẫn xét, khen thưởng, gồm:

- Kế hoạch tổ chức phát động (mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian, số lượng đơn vị tham gia, tiêu chuẩn xét khen thưởng, số lượng khen thưởng);

- Báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

c) Thời gian gửi đăng ký thi đua: trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

3. Các đơn vị thuộc quận được chia thành 08 Khối thi đua, gồm:

a) Khối các ban xây dựng Đảng.

b) Khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể.

c) Khối cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

d) Khối phường.

đ) Khối doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận.

e) Khối các tổ chức Hội.

g) Khối các trường học.

h) Khối các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Điều 8. Tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung tổ chức phong trào thi đua phải đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và có tính khả thi; phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua nhằm đạt được các chỉ tiêu trong từng phong trào thi đua.

2. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai, để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua. Chủ yếu khen thưởng tại cấp cơ sở là chính, trên cơ sở đó bình chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để đề nghị cấp trên xét khen thưởng.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối các Ban xây dựng Đảng

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận ủy, các Ban xây dựng Đảng Thành ủy):

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu.

b) Công tác phối, kết hợp với các Ban xây dựng Đảng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2. Nội dung 2 - Công tác tham mưu, giúp việc cho Quận ủy về lĩnh vực công tác chuyên môn:

a) Công tác nghiên cứu, đề xuất với Quận ủy về chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng về lĩnh vực chuyên môn.

b) Công tác sơ, tổng kết chuyên đề và công tác chuyên môn.

3. Nội dung 3 - Công tác quản lý cơ sở theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở.

b) Công tác thống kê, tổng hợp quản lý về chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng đơn vị:

a) Công tác sắp xếp bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức.

b) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

5. Nội dung 5 - Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, hội họp và công tác thi đua:

a) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

b) Thực hiện chế độ hội họp.

c) Công tác thi đua.

6. Nội dung 6 - Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh, hoạt động đoàn thể:

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Hoạt động đoàn thể.

Điều 10. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:

a) Kết quả phát triển Đoàn viên, Hội viên trong năm tăng giảm so với năm trước.

b) Công tác xây dựng tổ chức Đoàn thể ở cơ sở.

2. Nội dung 2 - Kết quả công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các Phường và các Phòng ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực Đoàn thể phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua – Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

đ) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận.

e) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá,

bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động Đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các Đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Công đoàn.

c) Đoàn Thanh niên.

d) Phụ nữ.

Điều 11. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối cơ quan quản lý hành chính nhà nước

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận, ngành dọc thành phố).

2. Nội dung 2 - Công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách; công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các Phường và các Phòng ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực Ban ngành, Đoàn thể phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận xây dựng các văn bản chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận liên quan đến lĩnh vực của Ban ngành, Đoàn thể kịp thời, bảo đảm chất lượng. Khi đã có văn bản của Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận, việc triển khai thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng các chuyên đề phục vụ các chủ trương, các giải pháp lớn của Quận thuộc lĩnh vực của đơn vị phụ trách hoặc theo yêu cầu của Quận.

5. Nội dung 5 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua – Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

đ) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân Quận.

e) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

6. Nội dung 6 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động Đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các Đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Công đoàn.

c) Đoàn Thanh niên.

d) Cựu Chiến binh.

Điều 12. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi Phụng

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế:

a) Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế: công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn; công tác quản lý, cấp phép loại hình kinh doanh nhà cho thuê ở; kết quả thực hiện công tác quản lý các ngành nghề kinh doanh nhạy cảm để phát sinh tệ nạn xã hội theo quy hoạch đã được duyệt.

b) Công tác thu ngân sách Nhà nước so với kế hoạch được giao và so với năm trước: thu thuế; thu khác; công tác quyết toán ngân sách; tình hình thực hiện chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong sử dụng ngân sách.

2. Nội dung 2 - Kết quả hoạt động quản lý đô thị:

a) Công tác quản lý qui hoạch và thực hiện qui hoạch, gồm: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000.

b) Kết quả quản lý về xây dựng: tình hình chấp hành Pháp luật trong xây dựng tại địa phương (cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa, tổng số diện tích xây dựng mới,

tăng giảm so với năm trước). Hạn chế, ngăn chặn được tình hình xây dựng không phép, sai phép, phối hợp chặt chẽ với Ban ngành, Đoàn thể liên quan tổ chức tuyên truyền, thực hiện các quy định về quản lý xây dựng.

c) Kết quả thực hiện về công tác Tài nguyên - Môi trường.

d) Kết quả thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở.

đ) Kết quả vận động nhân dân thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng hẻm theo phân công quản lý và thực hiện chỉ tiêu mở rộng hẻm dưới 2m.

e) Kết quả công tác quản lý vệ sinh môi trường: công tác khắc phục, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, giải quyết vấn đề rác, phong trào Xanh - Sạch - Đẹp.

3. Nội dung 3 - Kết quả chăm lo, phát triển đời sống văn hoá, xã hội:

a) Tình hình thực hiện công tác giáo dục, gồm: tỉ lệ % huy động trẻ 05 tuổi ra lớp, tỉ lệ % huy động trẻ 06 tuổi vào lớp 1; kết quả phổ cập giáo dục bậc Trung học phổ thông; vấn đề xã hội hoá giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục (công tác quản lý các cơ sở mầm non ngoài công lập . . .)

b) Tình hình thực hiện 10 chuẩn Quốc gia về Trạm y tế phường; Kết quả tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, công tác quản lý bệnh xã hội, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác quản lý hành chính Nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Công tác dân số, gia đình và trẻ em bao gồm nội dung: thực hiện công tác quản lý dân số; thực hiện quyền trẻ em, chú ý đối tượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Tập trung giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện ma túy và trẻ phạm pháp; kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại và công tác truyền thông sức khỏe sinh sản.

d) Tình hình xây dựng phát triển văn hoá cơ sở, gồm: xây dựng phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng, kết quả vận động xây dựng đời sống văn hoá trên địa bàn dân cư, thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Công tác quản lý hành chính Nhà nước trên lĩnh vực Văn hoá Thông tin – Thể thao.

đ) Hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe về số lượng và chất lượng, vấn đề xã hội hoá thể dục thể thao, kết quả tổ chức, tham gia các hoạt động thể thao.

e) Về các mặt công tác xã hội, gồm: Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, xây dựng nhà tình thương; thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết việc làm; kết quả

thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo; chăm lo các đối tượng xã hội; công tác quản lý các cơ sở dịch vụ việc làm; kết quả thực hiện tiếp nhận và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

4. Nội dung 4 - Kết quả công tác quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chấp hành Pháp luật:

a) Thực hiện Chương trình 3 giảm: các hoạt động ngăn chặn, đẩy lùi, tấn công tội phạm và các tệ nạn xã hội nhất là ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự trong thực hiện mục tiêu “3 giảm” của thành phố; tỷ lệ giảm các loại tội phạm hình sự, ma túy và mại dâm.

b) Công tác an ninh, trật tự: công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự ở các khu dân cư, quản lý nhà cho thuê ở trên địa bàn phường và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; công tác giữ gìn trật tự lề đường, kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông, phòng chống đua xe trái phép; công tác Phòng cháy chữa cháy ở các Khu dân cư và trong các cơ quan, doanh nghiệp; công tác xây dựng lực lượng Công an, vững mạnh, trong sạch; phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc, phòng cháy chữa cháy, công tác quản lý địa bàn dân cư và công tác tiếp nhận, xử lý thông tin tố giác tội phạm.

c) Về công tác Quân sự địa phương: công tác tổ chức, tham gia diễn tập phòng thủ; công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng; thực hiện chỉ tiêu giao quân nghĩa vụ quân sự; công tác hậu phương, quân đội.

d) Hoạt động tư pháp: kết quả công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nội bộ và trong nhân dân.

đ) Kết quả thực hiện công tác Thanh tra nhân dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng.

5. Nội dung 5 - Công tác xây dựng chính quyền, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:

a) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời và kết quả thực hiện những chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân Quận.

b) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức; thực hiện chiến lược thanh niên, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

c) Tình hình thực hiện và hiệu quả công tác cải cách hành chính theo mô hình “một cửa”;

d) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở, công tác tiếp công dân.

đ) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

e) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân Quận.

g) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

6. Nội dung 6 - Công tác xây dựng Đảng:

a) Hoạt động của Đảng ủy, Chi bộ khu phố.

b) Công tác Tổ chức.

c) Công tác Tuyên giáo.

d) Công tác Kiểm tra.

đ) Công tác Dân vận.

7. Nội dung 7 - Hoạt động của các Đoàn thể:

Đánh giá hoạt động và các phong trào quần chúng của các Đoàn thể chính trị xã hội theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm; kết quả phát triển Đoàn viên, Hội viên trong năm tăng giảm so với năm trước, đánh giá phân loại chất lượng các tổ chức Đoàn thể ở cơ sở.

Điều 13. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối Doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội.

b) Kết quả thực hiện nghĩa vụ thu nộp thuế và thu nộp ngân sách.

c) Kết quả ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Nội dung 2 - Kết quả công tác phối hợp với các ban ngành Đoàn thể và các Phường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua – Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

đ) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân Quận.

e) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động Đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các Đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Công đoàn.

c) Đoàn Thanh niên.

d) Phụ nữ.

đ) Hội cựu chiến binh.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối các tổ chức Hội

Giao phòng Nội vụ chủ trì phân chia Cụm, xây dựng nội dung thi đua và đăng ký từ đầu năm với Ủy ban nhân dân quận. Số lượng các đơn vị trong Cụm thi đua ít nhất là 05 đơn vị, nhiều nhất không quá 15 đơn vị.

Điều 15. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối các trường học

Giao phòng Giáo dục chủ trì phân chia Cụm, xây dựng nội dung thi đua và đăng ký từ đầu năm học với Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận). Số lượng các đơn vị trong Cụm thi đua ít nhất là 05 đơn vị, nhiều nhất không quá 15 đơn vị.

Điều 16. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối các doanh nghiệp ngoài nhà nước

Giao phòng Kinh tế chủ trì phân chia Cụm, xây dựng nội dung thi đua và đăng ký từ đầu năm với Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận). Số lượng các đơn vị trong Cụm thi đua ít nhất là 05 đơn vị, nhiều nhất không quá 15 đơn vị.

Điều 17. Tổ chức, đánh giá, chấm điểm thi đua:

1. Các Cụm thi đua tổ chức ký kết giao ước thi đua từ đầu năm. Cuối năm, các Cụm thi đua tổ chức họp đánh giá kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm.

2. Các phòng, ban, đoàn thể quận có các lĩnh vực hoạt động ở các phường phải xây dựng và phổ biến công khai các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua. Đồng thời tổ chức đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua các phường theo thang điểm chấm thống nhất là 100 điểm.

3. Các phường có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các phòng, ban, đoàn thể quận đối với các phường theo thang điểm thống nhất là 100 điểm.

4. Kết quả chấm điểm thi đua gửi đến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận chậm nhất là ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Các phòng, ban, đoàn thể quận và các phường có trách nhiệm giải đáp, trả lời công khai về kết quả chấm điểm thi đua trong Hội nghị xét thi đua hàng năm.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận căn cứ vào số điểm của các phòng, ban, đoàn thể quận và các phường chấm (tham khảo kết quả đánh giá thi đua của các Cụm) để làm cơ sở đánh giá và xét thi đua hàng năm.

Điều 18. Cách chấm điểm

Báo cáo chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể về tình hình thực hiện nhiệm vụ cả năm và thực hiện một cách tự giác, trung thực, khắc phục việc che giấu khuyết điểm tồn tại, chạy theo thành tích.

1. Điểm chuẩn:

a) Một nội dung công tác có nhiều chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu được chấm tối đa là 100 điểm (chưa tính điểm vượt Kế hoạch được thưởng); điểm của nội dung là điểm bình quân các chỉ tiêu trong từng nội dung.

b) Các chỉ tiêu có số liệu tính được % thì cứ 1 % đạt được, được tính 01 điểm.

c) Các mặt công tác hoặc tiêu chuẩn không tính được tỉ lệ % cụ thể ; trước đây các đơn vị thường phân loại A, B, C hoặc Xuất sắc, Tốt, Tiên tiến, Khá, Trung bình... nay phải thực hiện theo thang điểm.

2. Điểm cộng:

- Các chỉ tiêu kế hoạch được giao hoặc đơn vị xây dựng đã được Quận phê duyệt vượt 1% được cộng thêm 01 điểm cho tiêu chuẩn đó; nhưng điểm thêm không quá 10 điểm.

- Có một điển hình hoặc một mô hình mới được tổ chức học tập nhân rộng được cộng 10 điểm cho tiêu chuẩn thi đua và phải có báo cáo cụ thể về điển hình hoặc mô hình mới kèm theo báo cáo chấm điểm.

3. Điểm trừ:

Các đơn vị sẽ bị trừ điểm khi:

Thường trực Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận phê bình hoặc nhắc nhở bằng Văn bản trên lĩnh vực thuộc tiêu chuẩn nào, tiêu chuẩn đó bị trừ 10 điểm;

- Báo cáo Tổng kết, chấm điểm, xếp hạng thi đua cuối năm chậm so với thời gian quy định bị trừ 10 điểm;

- Thiếu một báo cáo thường xuyên theo qui định hoặc báo cáo đột xuất do Ủy ban nhân dân Quận yêu cầu bị trừ 5 điểm ở tiêu chuẩn thông tin báo cáo;

- Vắng mỗi cuộc họp giao ban do Ủy ban nhân dân Quận triệu tập nhưng không báo cáo lý do bị trừ 2 điểm ở tiêu chuẩn dự họp.

Điều 19. Cách tính điểm và xếp hạng thi đua**1. Cách tính điểm thi đua:**

Các Phường, Ban ngành, Đoàn thể, cơ quan đơn vị căn cứ vào báo cáo kết quả cụ thể thực hiện 4, 6 hoặc 7 nội dung để tự chấm điểm theo từng chỉ tiêu trong mỗi nội dung; điểm bình quân của các chỉ tiêu trong nội dung (đã tính điểm cộng, trừ). Điểm trung bình của các nội dung là điểm của đơn vị.

a) Điểm của phường là điểm trung bình do lãnh đạo Quận ủy (Bí thư và các Phó Bí thư), lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận (Chủ tịch và các Phó Chủ tịch), điểm nhận xét của các Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể, các phòng - ban cấp quận chấm.

b) Điểm của Ban ngành, Đoàn thể, đơn vị thuộc quận là điểm trung bình do lãnh đạo Quận ủy (Bí thư và các Phó Bí thư), lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận (Chủ tịch và các Phó Chủ tịch), điểm nhận xét của UBND các phường, điểm đánh giá xếp loại của các Sở, ngành và Đoàn thể Thành phố.

c) Theo chủ đề hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận sẽ căn cứ kết quả việc thực hiện chủ đề thuộc đơn vị được phân công quản lý để cho điểm cộng hoặc điểm trừ vào tổng số điểm của đơn vị để đánh giá xếp hạng, điểm cộng hoặc điểm trừ tối đa là 10 điểm.

d) Kết quả đánh giá tương ứng với mức điểm như sau:

- Xuất sắc (A): từ 91 điểm đến 100 điểm;
- Tiên tiến (B): từ 81 điểm đến dưới 91 điểm;
- Trung bình (C): từ 71 điểm đến dưới 81 điểm;
- Kém: dưới 71 điểm.

2. Cách xếp hạng thi đua

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận đánh giá, xếp hạng thi đua theo thứ tự như sau:

a) Căn cứ vào đánh giá chất lượng cơ sở Đảng của Chi, Đảng bộ và theo thứ tự trong sạch vững mạnh tiêu biểu, trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ.

b) Trường hợp các đơn vị có cùng một mức đánh giá chất lượng cơ sở Đảng, căn cứ điểm trung bình của các đơn vị.

c) Trường hợp đơn vị không có Chi, Đảng bộ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận thảo luận và quyết định.

Chương III
DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN, SỐ LƯỢNG,
THẨM QUYỀN XÉT VÀ QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 20. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua gồm có: Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến), Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp thành phố (Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến), Tập thể Lao động xuất sắc (Đơn vị quyết thắng), Cờ thi đua thành phố (Cờ thi đua của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Cờ thi đua của Chính phủ.

Tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện công nhận một số danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Đơn vị có Chi bộ, Đảng bộ phải đạt đơn vị xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Không xét công nhận danh hiệu thi đua đối với tập thể nhỏ có số lượng dưới 03 người.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, chiến sỹ tiên tiến;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Đơn vị có Chi bộ, Đảng bộ phải đạt đơn vị xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Cờ thi đua cấp thành phố được xét tặng cho các phường, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, Hợp tác xã do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức thành các cụm, khối thi đua đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của Thành phố;
- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Thành phố học tập;
- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, chiến sỹ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị và khu dân cư tại nơi đang cư trú;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định ở trên đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

e) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

- Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu, khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

g) Đối với những cá nhân là Thủ trưởng đơn vị:

Danh hiệu thi đua đối với những cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý. Cụ thể:

- Đơn vị được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và các hình thức, danh hiệu thi đua từ cấp Thành phố, Bộ ngành Trung ương trở lên nếu đủ điều kiện.

- Đơn vị được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Đơn vị được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Đơn vị không được khen thưởng thì không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với Thủ trưởng đơn vị (những Thủ trưởng đơn vị mới được điều động sẽ được cân nhắc theo thực tế).

h) Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng thảo luận, quyết định:

- Tập thể không có chi bộ, chi bộ sinh hoạt ghép hoặc chi bộ mới thành lập chưa đủ thời gian xét chi bộ trong sạch vững mạnh.

- Thủ trưởng đơn vị mới được điều động trong năm, những cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, có nhiều công hiến, chuẩn bị nghỉ hưu.

2. Số lượng và điều kiện công nhận một số danh hiệu thi đua:

a) Mỗi một Cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức được xét và đề nghị tặng 01 Cờ thi đua cấp Thành phố.

b) Đơn vị đạt các tiêu chuẩn được quy định Điểm b Khoản 1 Điều 21, có điểm trung bình từ 91 điểm đến 100 điểm được xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

c) Đơn vị đạt các tiêu chuẩn được quy định Điểm a Khoản 1 Điều 21, có điểm trung bình từ 81 đến dưới 91 điểm được xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

d) Đơn vị có điểm trung bình từ 71 đến dưới 81 điểm và không có nhiều điểm đánh giá kém (không có hoặc có ít hơn 03 điểm đánh giá dưới 71 điểm) được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

đ) Trường hợp đơn vị có nhiều điểm đánh kém, có từ 03 điểm đánh giá dưới 71 điểm thì không được xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

e) Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét không quá 15% số lao động đạt danh hiệu lao động tiên tiến của các đơn vị.

Điều 22. Thẩm quyền công nhận một số danh hiệu thi đua

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc quận (gồm các cơ quan Đảng, Đoàn thể, cơ quan quản lý hành chính nhà nước; các đơn vị sự nghiệp công lập) danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xét tặng.

2. Đối với cán bộ, công chức, nhân viên ủy nhiệm thu thuế, bảo vệ dân phố, phường đội, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp, trường học trực thuộc quận.

4. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, trường ngoài công lập do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, Hiệu trưởng trường quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 23. Các danh hiệu thi đua khác

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương IV

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 24. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Tiêu chuẩn

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được xét tặng đối với các tập thể, cá nhân khi tổng kết năm, kết thúc một cuộc vận động, một đợt thi đua, một phong trào thi đua, hoàn thành một hạng mục hoặc cả công trình; hoặc có thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt - việc tốt, học sinh giỏi, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi quận.

2. Số lượng

a) Các phong trào do ngành dọc phát động: số lượng giấy khen được xét tặng không lớn hơn số lượng giấy khen do Sở, ngành thành phố tặng.

b) Các phong trào do quận phát động: số lượng giấy khen được xét tặng không lớn hơn 20% số lượng các tập thể tham gia thực hiện; mỗi tập thể được khen thưởng chọn 02 cá nhân tiêu biểu; tập thể không được khen thưởng chọn tối đa 01 cá nhân tiêu biểu (cá nhân được chọn không phải là lãnh đạo đơn vị).

c) Đối với tổng kết công tác năm: chỉ xét tặng giấy khen đối với các đơn vị không xét danh hiệu thi đua hàng năm; số lượng được xét tặng giấy khen không lớn hơn 20% số lượng đơn vị đã khen hoặc không lớn hơn 20% số lượng phường đã khen.

3. Ủy ban nhân dân quận không tặng Giấy khen cho các tập thể hoặc cá nhân khi quận tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn tập.

Điều 25. Các hình thức khen thưởng khác

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương V**QUY TRÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA
VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG HÀNG NĂM****Điều 26. Thời gian xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm**

1. Căn cứ nội dung đăng ký thi đua và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Phường báo cáo kết quả thực hiện các nội dung phong trào thi đua yêu nước của cơ quan, đơn vị, các bảng chấm điểm, danh sách đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (đối với các trường học thuộc ngành Giáo dục gửi trước ngày 30 tháng 5 hàng năm).

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Quận tổng hợp kết quả chấm điểm, danh sách đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trước ngày 10 tháng 12 hàng năm (đối với các trường học thuộc ngành Giáo dục trước ngày 10 tháng 6 hàng năm).

3. Căn cứ kết quả chấm điểm và đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận họp xét thi đua vào tháng 12 hàng năm (đối với ngành Giáo dục vào tháng 6 hàng năm). Kết quả xét thi đua được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị trước khi tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước.

Điều 27. Phạm vi làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận

1. Về nguyên tắc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận thống nhất giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tham mưu Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng khen từ giấy khen của Ủy ban nhân dân quận trở xuống.

2. Các trường hợp đề nghị khen từ bằng khen Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ trưởng các cơ quan ngang bộ trở lên do tập thể Hội đồng Thi đua - Khen thưởng biểu quyết, trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng không họp thì Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thông qua phiếu xin ý kiến, tổng hợp và báo cáo đề nghị.

3. Để đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong đề nghị xét khen thưởng cá nhân bậc cao (từ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên), Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận báo cáo và tiến hành các thủ tục đề nghị sau khi có văn bản đồng thuận của Ban Thường vụ Quận ủy.

Điều 28. Quy trình làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng điều hành Hội nghị xét thi đua hàng năm, cử chuyên viên phòng Nội vụ ghi biên bản tổng hợp và kết luận cuối cùng của Hội nghị.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng báo cáo tổng hợp danh sách điểm đánh giá các đơn vị theo từng khối; gồm kết quả khen thưởng năm trước, đơn vị tự đánh giá cho điểm, điểm đánh giá của ngành cấp trên, điểm đánh giá của lãnh đạo trực tiếp; kết quả đánh giá chất lượng tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Quận ủy về việc xét công nhận xây dựng Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh. Tổ Thi đua căn cứ các kết quả trên, các quy định hiện hành và quy định này dự kiến, đề xuất danh hiệu, hình thức khen thưởng năm.

3. Việc công nhận và khen thưởng các Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh do Ban Thường vụ Quận ủy quyết định theo thẩm quyền, tại hội nghị nếu cần Ủy viên Hội đồng là Trưởng ban Tổ chức Quận ủy sẽ thay mặt các ban trao đổi lại các đơn vị.

4. Chất vấn và trả lời:

a) Thủ trưởng các đơn vị bày tỏ quan điểm của mình về số điểm đánh giá và kết quả phân loại Đảng bộ, Chi bộ; trình bày bổ sung những điểm nổi bật xuất sắc, những kinh nghiệm sáng kiến hoặc những giải pháp cải tiến công tác phục vụ công vụ và phục vụ nhân dân có hiệu quả được công nhận, những yếu kém tồn tại cần chú ý khắc phục (nếu cần và trình bày gọn không quá 5 phút);

b) Các cơ quan, đơn vị được chất vấn trả lời công khai các thắc mắc của đơn vị; trường hợp đặc biệt người điều hành hội nghị có thể cho phép cơ quan chất vấn và bị chất vấn đối thoại và trả lời riêng.

5. Các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có quyền yêu cầu thủ trưởng đơn vị giải trình việc đánh giá cho đơn vị, cho cụm thi đua (nếu cần). Khi yêu cầu, câu hỏi cần đặt thẳng vấn đề, thủ trưởng đơn vị hoặc đơn vị liên quan giải trình trực tiếp vấn đề được nêu.

6. Kết thúc phần chất vấn, trả lời và giải trình; chỉ các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá đề nghị và ghi trực tiếp vào cột “Đánh giá của thành viên Hội đồng” với các mức Cờ Thi đua xuất sắc (dẫn đầu Cụm), Tập thể lao động xuất sắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Tập thể lao động tiên tiến, giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vào bảng tổng kết đánh giá có đóng dấu của phòng Nội vụ quận (trong Hội nghị các thành viên dùng chung một danh sách, nhưng chỉ thành viên Hội đồng, danh sách mới có dấu).

7. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức thu phiếu, tổng hợp các kết luận của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá cho điểm từng đơn vị và công bố công khai. Trong quá trình thu phiếu, tổng hợp điểm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có thể huy động các chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để hỗ trợ. Các chuyên viên được huy động có trách nhiệm bảo mật về các thông tin liên quan.

8. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận đề nghị khi được đa số thành viên Hội đồng suy tôn (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì sau đó vẫn phải cho ý kiến bằng phiếu biểu quyết). Cụ thể:

a) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Danh hiệu vinh dự Nhà nước (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước): phải có tỷ lệ thành viên Hội đồng biểu quyết đồng ý từ 90% trở lên.

b) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác: phải có tỷ lệ thành viên Hội đồng biểu quyết đồng ý từ 50% trở lên.

c) Riêng danh hiệu Khu phố văn hóa, danh hiệu Lao động tiên tiến; Giấy khen, Giấy biểu dương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận: trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ đạo Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các đơn vị, Hội đồng thống nhất giao cho Thường trực Hội đồng rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

9. Kết luận của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thông báo công khai bằng hình thức văn bản phát hành rộng rãi gửi đến từng đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng chỉ nhận khiếu nại bằng văn bản của đơn vị trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hành văn bản. Khi khiếu nại Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trình Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nội dung khiếu nại và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ủy nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định.

Chương VI

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 29. Đối với công tác thi đua khen thưởng thường xuyên hàng năm

Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm bao gồm:

1. Báo cáo phong trào thi đua yêu nước của đơn vị.
2. Bảng chấm điểm thi đua do đơn vị tự chấm.
3. Bảng chấm điểm của Ủy ban nhân dân phường đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quận (hoặc bảng chấm điểm của cơ quan, đơn vị thuộc quận đối với các phường)
4. Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị..
5. Danh sách đề nghị khen thưởng.
6. Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng
7. Báo cáo tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
8. Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

Điều 30. Đối với công tác khen thưởng theo chuyên đề hoặc đột xuất

Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân quận tặng Giấy khen về thành tích của các tập thể và cá nhân trong thực hiện các chuyên đề hoặc đột xuất, gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị.
2. Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể và cá nhân kèm Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo (nếu có).
3. Biên bản họp xét khen thưởng.

Điều 31. Đối với đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác của các tập thể và cá nhân

Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua khác thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố và các quy định của nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng và kết quả khen thưởng đạt được theo quy định của Luật Lưu trữ để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Chương VII**QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG****Điều 33. Nguyên tắc phân cấp chi kinh phí khen thưởng**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Điều 34. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

- a) Chi cho in các loại giấy chứng nhận, giấy khen, khung giấy khen;
- b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;
- c) Trích 20% trong tổng số Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua.

Điều 35. Cách tính, mức thưởng và nguồn kinh phí

1. Cách tính và mức chi tiền thưởng hoặc hiện vật tương đương được thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 75 và 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm hoặc phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm: mức thưởng được quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về sửa đổi, bổ sung Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm hoặc phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm; tiền thưởng được chi từ quỹ hỗ trợ phòng chống tội phạm.

3. Đối với Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị sự nghiệp: tiền thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị sự nghiệp.

4. Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với từng đối tượng cụ thể.

5. Đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các tập thể, cá nhân được tặng Giấy khen về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ đóng góp công tác từ thiện xã hội: không chi tiền thưởng mà có thể tặng Giấy khen kèm vật phẩm có giá trị không quá mức tiền thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

6. Trường hợp đặc biệt, tùy theo thành tích cụ thể mức thưởng do đơn vị đề nghị và Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ khen thưởng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành và địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi; đề nghị các đơn vị góp ý bằng văn bản và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Quận xem xét giải quyết.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm thực hiện quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Hà

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2016***CHỈ THỊ****Về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2016**

Phong trào hiến máu tình nguyện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được duy trì thường xuyên và phát triển trong những năm qua, đây là một trong những hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện được cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và nhân dân Thành phố hưởng ứng nhiệt tình. Năm 2015, phong trào hiến máu tình nguyện của Thành phố đạt và vượt chỉ tiêu so với năm 2014 đã cung cấp cho ngành y tế đáp ứng một phần nhu cầu về máu cấp cứu và điều trị cho bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm đảm bảo đủ máu an toàn cho cấp cứu và điều trị bệnh nhân tại Thành phố trong năm 2016; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan đơn vị, công ty, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang trên địa bàn Thành phố tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phấn đấu đạt trên 185.000 lượt người hiến máu (230.000 đơn vị) trong đó có 65 % là túi máu loại 350ml-450ml, chất lượng máu sạch, tốt đạt trên 94%.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố, lực lượng vũ trang, các công ty, xí nghiệp, trường học trên địa bàn Thành phố có kế hoạch cụ thể vận động ít nhất 30% cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, sinh viên hiến máu tình nguyện trong năm 2016; đồng thời phối hợp với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) hoặc Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) tổ chức tốt

các địa điểm tiếp nhận máu tại cơ quan, đơn vị; bộ phận y tế các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và tuyển chọn người hiến máu đủ điều kiện tham gia hiến máu, phần đầu đạt trên 82.700 lượt người hiến máu trong năm. Trong đó Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) tiếp nhận 30.000 lượt người hiến máu và Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) vận động và tiếp nhận 52.700 lượt người hiến máu.

3. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) và Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt trên 102.300 lượt người hiến máu đạt chất lượng máu tốt; tích cực tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phù hợp với nguyên tắc nhân đạo quốc tế Hội Chữ thập đỏ Quốc tế và thực hiện đúng chế độ bồi dưỡng sức khỏe đối với người hiến máu tình nguyện theo Thông tư số 33/2014/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Y tế. Tăng cường vận động phát triển lực lượng hiến máu dự bị để sẵn sàng cung cấp máu khi có yêu cầu.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài Thành phố phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Thành phố có kế hoạch thông tin tuyên truyền sâu rộng, vận động nhân dân Thành phố tích cực tham gia hiến máu tình nguyện trong năm 2016; đặc biệt là “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân Hồng” năm 2016 theo hướng dẫn của Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam.

5. Đài Truyền hình Thành phố phối hợp Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố), Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác hiến máu tình nguyện của Thành phố năm 2016, hàng năm nhân ngày 07 tháng 4 “Ngày toàn dân hiến máu tình nguyện”, ngày 14 tháng 6 “Ngày thế giới tôn vinh người hiến máu”, mở chuyên mục “Hiến máu cứu người” để tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa nhân đạo trong các đợt cao điểm của chương trình hiến máu tình nguyện.

6. Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Truyền máu Huyết học phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) thực hiện các quy trình chuyển giao máu đạt số lượng, chất lượng theo yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật, trang thiết bị xét nghiệm, phân tích máu, để bảo đảm an toàn trong truyền máu cho bệnh nhân, đồng thời chỉ đạo các bệnh viện quận, huyện, y tế của các cơ quan Sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, công ty, xí nghiệp, trường học tích cực tham gia tuyên truyền vận động hiến máu.

7. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ tiếp nhận máu; phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố (Sở Nội vụ) kịp thời đề xuất tôn vinh, khen thưởng những tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, các trường học trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kế hoạch cụ thể vận động, tuyên truyền tổ chức cho cán bộ, nhân dân tham gia hiến máu tình nguyện đạt chỉ tiêu trong năm 2016./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Chỉ thị 01/CT-UBND
ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Quận - huyện	Đơn vị	Chỉ tiêu 350 - 450
1	Quận 1	3.900	2.535
2	Quận 2	2.600	1.690
3	Quận 3	3.900	2.535
4	Quận 4	3.100	2.015
5	Quận 5	4.200	2.730
6	Quận 6	4.800	3.120
7	Quận 7	4.200	2.730
8	Quận 8	5.000	3.250
9	Quận 9	4.000	2.600
10	Quận 10	4.700	3.055
11	Quận 11	4.000	2.600
12	Quận 12	3.800	2.470
13	Quận Phú Nhuận	3.800	2.470
14	Quận Bình Thạnh	6.500	4.225
15	Quận Gò Vấp	6.100	3.965
16	Quận Thủ Đức	6.100	3.965
17	Quận Tân Bình	4.800	3.120
18	Quận Tân Phú	4.500	2.925
19	Quận Bình Tân	5.500	3.575
20	Huyện Bình Chánh	4.500	2.925
21	Huyện Củ Chi	5.000	3.250
22	Huyện Hóc Môn	3.600	2.340
23	Huyện Nhà Bè	1.800	1.170
24	Huyện Cần Giờ	1.900	1.135
25	Trung tâm Hiến máu nhân đạo TP	52.700	34.255
26	Bệnh viện Truyền máu Huyết học tiếp nhận từ: Hội sinh viên (20.000); Sở Y tế (3.000); Sở Giáo dục và Đào tạo (2.000); Sở Giao thông vận tải (1.000); Sở Công thương (2.000) và các đơn vị khác (2000)	30.000	19.500
Tổng cộng		30.000	120.250

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 1785/QĐ-BTP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp;

Xét ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7162/STP-VB ngày 31 tháng 12 năm 2015,

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu

trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thực hiện Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 1785/QĐ-BTP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch về triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

b) Xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thi hành Luật năm 2015, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn và bảo đảm chất lượng.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản

quy phạm pháp luật năm 2015 của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 1785/QĐ-BTP ngày 07 tháng 10 năm 2015 và Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, bảo đảm hoàn thành tất cả các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch.

II. NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

Tổ chức Hội nghị quán triệt việc thi hành và phổ biến các quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 theo các nội dung nêu tại Phụ lục đính kèm.

- Đơn vị tham mưu thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố; Sở Nội vụ; Sở Tài chính.

- Thời gian thực hiện: Quý I năm 2016

2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

a) Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện liên quan trực tiếp đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận-huyện.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở - ban - ngành.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý I năm 2016.

b) Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cần

sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận-huyện.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở - ban - ngành.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý II năm 2016.

c) Rà soát các Chỉ thị quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành để bãi bỏ, thay thế bằng các văn bản phù hợp; rà soát các quy định thủ tục hành chính đã được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố để tham mưu lộ trình bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Đơn vị thực hiện: Các Sở - ban - ngành.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành đến hết năm 2016.

d) Rà soát các Chỉ thị quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận-huyện đã ban hành để bãi bỏ, thay thế bằng các văn bản phù hợp; rà soát các quy định thủ tục hành chính đã được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận-huyện để tham mưu lộ trình bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân quận-huyện.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành đến hết năm 2016.

3. Tổ chức tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cho các cán bộ, công chức, viên chức các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính.
- Thời gian thực hiện: Quý III và IV năm 2016.

b) Xây dựng các tài liệu phổ biến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Đơn vị thực hiện: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở - ban - ngành.
- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2016.

c) Bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng pháp luật.

Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, phân tích chính sách; xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách; báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới; kỹ thuật soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật cho các công chức xây dựng pháp luật, công chức pháp chế tại các Sở - ban - ngành, Phòng Tư pháp quận - huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch tại phường - xã - thị trấn và công chức làm công tác pháp chế của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính.
- Thời gian thực hiện: Theo Kế hoạch bồi dưỡng chung của Thành phố.

4. Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật

a) Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, đánh giá chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật ở các Sở - ban - ngành- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Năm 2016 và những năm tiếp theo.

b) Đề xuất kiện toàn, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Năm 2016 và những năm tiếp theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các nội dung giao Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố thực hiện thì sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố và quận - huyện để thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể tại Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ quy định tại Kế hoạch này; xác định việc tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 là nhiệm vụ quan trọng, cần ưu tiên tập trung nguồn lực và tổ chức, chỉ đạo thực hiện bằng các hình thức phù hợp để đạt hiệu quả và đúng tiến độ; kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giao Sở Tư pháp là đơn vị đầu mối thực hiện Kế hoạch này; có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, kịp thời tổng hợp tình hình thực hiện và đề xuất phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Giao Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này và theo dõi, thanh quyết toán kinh phí theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

PHỤ LỤC

VỀ VIỆC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ QUẢN TRIỆT VIỆC THI HÀNH VÀ PHỔ BIẾN LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 22 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 (sau đây gọi tắt là Luật BHVBQPPL năm 2015). Nhằm triển khai thi hành Luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kịp thời, thống nhất và hiệu quả, việc tổ chức Hội nghị quản triệt và phổ biến Luật BHVBQPPL năm 2015 được thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt việc triển khai việc thi hành và phổ biến các nội dung quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xác định rõ nội dung công việc, thời hạn, tiến độ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức Hội nghị, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ và hiệu quả.

3. Việc tổ chức Hội nghị phải thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm.

II. NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Chủ trì Hội nghị: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thành phần tham dự Hội nghị: (dự kiến 500 người)

a) Đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp: dự kiến 02 người.

b) Các Sở-ban-ngành Thành phố:

- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố: dự kiến 02 người.

- Đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế): dự kiến 03 người

- Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: dự kiến 02 người.

- Đại diện lãnh đạo Hội Luật gia Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố: dự kiến 02 người.

- Sở Tư pháp: 20 người.

- Đại diện lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác xây dựng văn bản tại các Sở-ban-ngành: Mỗi đơn vị cử 04 người (dự kiến 100 người).

c) Quận-Huyện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện (24 người).

- Trưởng phòng Tư pháp quận, huyện (24 người).

d) Phường-xã-thị trấn:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn (dự kiến khoảng 322 người).

3. Nội dung Hội nghị:

- Triển khai, quán triệt việc thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Phổ biến các nội dung quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đặc biệt là các nội dung về ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

4. Thời gian tổ chức: Dự kiến 01 (một) buổi trong tháng 3 năm 2016.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí tổ chức Hội nghị được bố trí từ ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (cân đối sử dụng từ nguồn kinh phí không tự chủ bố trí cho Sở Tư pháp năm 2016).

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Tư pháp:

a) Chuẩn bị tài liệu Hội nghị, gồm:

- Tài liệu phổ biến các quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Các tài liệu, văn bản có liên quan đến công tác triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

b) Mời báo cáo viên thuộc Bộ Tư pháp để trình bày các quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) Thực hiện công tác quản lý và điều hành Hội nghị, công tác hậu cần phục vụ cho Hội nghị.

d) Lập dự toán chi tiết kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố: Gửi thư mời đại biểu tham dự Hội nghị theo danh sách do Sở Tư pháp cung cấp.

3. Sở Tài chính: Thẩm định dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

4. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận-huyện: Tham gia Hội nghị đầy đủ và đúng thành phần đại biểu./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 19 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về công bố văn bản hết hiệu lực năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 05/TTr-TP ngày tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục 03 Quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành hết hiệu lực thi hành (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban

đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Thế Thuận

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015

(ban hành kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	Số 134/2009/QĐ-UBND ngày 19/01/2010	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1.	<p>- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về các chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp: “<i>Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, bồi thường nhà nước và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</i>”. Theo đó đã bổ sung thêm chức năng của Phòng Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính...</p> <p>- Tại Điều b, Khoản 11, Điều 2 của Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND hiện nay có thay đổi so với Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, theo đó, bổ sung thêm</p>	14/8/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				<p>chức năng của Phòng Tư pháp được thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, <i>văn bản bằng tiếng Việt</i>; Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, <i>văn bản song ngữ</i>; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, <i>văn bản song ngữ</i>, chứng thực hợp đồng giao dịch.</p> <p>Theo đó, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp đã có bổ sung, sửa đổi: theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, công chứng, chứng thực, hộ tịch, bồi thường nhà nước...</p>	
2.	Quyết định	số 01/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1.	<p>Khoản 9, Điều 7 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quận-huyện: <i>“Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật”</i>. Do đó, nội dung của Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 của UBND Quận 1 có một số nội dung cần điều chỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 3; Khoản 9, Khoản 10 Điều 4; Khoản 4 Điều 5 Nghị định số</p>	14/8/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014. Cụ thể nội dung có thay đổi về vị trí, chức năng, về nhiệm vụ, quyền hạn và về tổ chức bộ máy và biên chế.	
3.	Quyết định	số 02/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1.	Khoản 9, Điều 7 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nội vụ: “Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng”. Đã bổ sung thêm chức năng của Phòng Nội vụ về “vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức”. Đồng thời, nội dung của Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 của UBND Quận 1 có một số nội	14/8/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				dung cần điều chỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 3; Khoản 9, Khoản 10 Điều 4; Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014. Cụ thể nội dung có thay đổi về vị trí, chức năng, về nhiệm vụ, quyền hạn và về tổ chức bộ máy và biên chế.	
Tổng số: 03 văn bản					

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 19 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8 tại Tờ trình số 01/TTr-TP ngày 15 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ 02 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành do không còn phù hợp với quy định pháp luật (đính kèm danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Tá Hoàng Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN BỊ BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	NỘI DUNG VĂN BẢN	Ghi chú
01	25/2006/ CT-UBND	03/8/2006	Chỉ thị về việc khai thác đất trên địa bàn Phường 4, 5, 6, 7, 15, 16 Quận 8	Bãi bỏ
02	03/2008/ QĐ-UBND	12/6/2008	Quyết định về việc ban hành quy định quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 8	Bãi bỏ

Tổng số: 02 văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 359/QĐ-UBND

*Hóc Môn, ngày 18 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật
hết hiệu lực thi hành năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 18/TTr-TP ngày 11 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 35 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành năm 2015 do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành (*danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Tài

DANH MỤC

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH NĂM 2015
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN BAN HÀNH**
(Kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
1	Quyết định	24/QĐ-UB-1998-TH Ngày 07/02/1998	Về việc ban hành bảng nội quy của trụ sở HĐND-UBND huyện Hóc Môn	12/3/2009	Đã ban hành văn bản thay thế (Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 12/3/2009)
2	Chỉ thị	01/2014/CT-UBND Ngày 24/02/2014	Về tổ chức thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2014	19/01/2015	Chỉ thị thực hiện trong năm 2014
3	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND Ngày 20/3/2013	Về ban hành quy định tổ chức và hoạt động của lực lượng kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng chống tệ nạn xã hội huyện Hóc Môn	15/9/2015	Đã ban hành văn bản thay thế (Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 15/9/2015)
4	Nghị quyết	01/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
5	Nghị quyết	02/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về việc thông qua đơn giá đất để tính bồi thường hỗ trợ đối với dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ 60, Hương lộ 70 và đường Nguyễn Thị Sóc	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
6	Nghị quyết	03/2006/NQ-HĐND Ngày 25/7/2006	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
7	Nghị quyết	01/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
8	Nghị quyết	02/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2007	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
9	Nghị quyết	03/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về phân loại đơn vị hành chính xã – thị trấn thuộc huyện Hóc Môn	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
10	Nghị quyết	04/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2007	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
11	Nghị quyết	05/2006/NQ-HĐND Ngày 19/12/2006	Về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (từ năm 2006-2010) định hướng đến năm 2020	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
12	Nghị quyết	15/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
13	Nghị quyết	16/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về thực hiện cơ chế hành chính huyện Hóc Môn	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
14	Nghị quyết	17/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về phân loại đơn vị hành chính huyện Hóc Môn	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
15	Nghị quyết	18/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về danh mục đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2007-2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
16	Nghị quyết	19/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách năm 2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
17	Nghị quyết	20/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung huyện Hóc Môn đến năm 2020	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
18	Nghị quyết	21/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về thẩm quyền quyết định việc sửa chữa, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, thanh lý tài sản Nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
19	Nghị quyết	22/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về việc sử dụng nguồn kinh phí dự phòng	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
20	Nghị quyết	23/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về việc phê chuẩn bổ sung kinh phí sửa chữa trường lớp	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
21	Nghị quyết	24/2007/NQ-HĐND Ngày 18/12/2007	Về danh mục công trình trọng điểm tập trung thực hiện năm 2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
22	Nghị quyết	46/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008 của huyện Hóc Môn	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
23	Nghị quyết	47/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
24	Nghị quyết	48/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về bổ sung dự toán ngân sách năm 2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
25	Nghị quyết	49/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về sắp xếp, bố trí lại kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
26	Nghị quyết	50/2008/NQ-HĐND Ngày 18/7/2008	Về bổ sung danh mục đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2008 nguồn vốn ngân sách thành phố cấp vốn cho huyện	02/10/2015	Cơ quan ban hành kết thúc hoạt động
27	Chỉ thị	04/2007/CT-UBND Ngày 13/6/2007	Công tác nắm hiện trạng năng lực sản xuất, sửa chữa các doanh nghiệp chuẩn bị động viên công nghiệp năm 2007	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
28	Chỉ thị	06/2007/CT-UBND Ngày 09/7/2007	Về việc thực hiện nhiệm vụ huấn luyện nâng cao tham gia hội thao quốc phòng thành phố năm 2007	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
29	Chỉ thị	03/2008/CT-UBND Ngày 26/3/2008	Về việc tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, pháp lệnh dự bị động viên từ năm 1996 đến năm 2008	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
30	Chỉ thị	04/2008/CT-UBND	Về phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
31	Chỉ thị	05/2008/CT-UBND Ngày 07/7/2008	Về việc tiếp tục thực hiện BHYT tự nguyện theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 14/2007/TTLT-BHYT_BTC	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
32	Quyết định	08/2009/QĐ-UBND Ngày 12/6/2009	Về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn huyện Hóc Môn	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
33	Quyết định	09/2009/QĐ-UBND Ngày 12/6/2009	Về ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
34	Chi thị	04/2011/CT-UBND Ngày 12/8/2011	Tăng cường thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Hóc Môn	19/11/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật
35	Chi thị	02/2008/CT-UBND Ngày 12/3/2008	Về nâng cao hiệu quả công tác tổ chức họp Tổ nhân dân, Tổ dân phố tại các xã – thị trấn	24/12/2015	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định của pháp luật

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng